
Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững đối với cấp tỉnh ở Việt Nam

TS. Trần Thị Thanh Hà, Bộ môn Địa lý

Việc nghiên cứu, tìm hiểu mức sống và sự phân hóa của nó để có những giải pháp khả thi nhằm nâng cao mức sống dân cư đã là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu và các quốc gia quan tâm. Các văn kiện Đại hội XIII cũng đề cao khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Thế giới hiện nay rất coi trọng chỉ số hạnh phúc của người dân để đánh giá về sự tiến bộ, ưu việt của các quốc gia. Vì vậy, “Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững đối với cấp tỉnh ở Việt Nam” là vấn đề được tôi phân tích trong bài viết này vì những lý do sau:

Thứ nhất, nghiên cứu vấn đề này sẽ góp phần làm sáng tỏ những căn cứ khoa học và thực tiễn về đánh giá mức sống dân cư để hướng tới nâng cao mức sống dân cư theo hướng bền vững trong điều kiện Việt Nam.

Thứ hai, vấn đề Đánh giá mức sống dân cư là một nội dung không mới. Tuy nhiên, vấn đề này chủ yếu được trình bày sơ lược trong các nghiên cứu, chưa có bất kỳ nghiên cứu chuyên biệt nào đề cập chi tiết và hệ thống về vấn đề này. Đặc biệt, vấn đề *Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững đối với cấp tỉnh ở Việt Nam* là vấn đề mới, chưa có bất kỳ nghiên cứu nào đề cập tới. Do vậy, đây là một hướng nghiên cứu mới góp phần luận giải thấu đáo vấn đề đặt ra và có giá trị thực tiễn cao.

Thứ ba, vấn đề này được tìm hiểu thành công sẽ là một nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao. Đặc biệt, các chỉ tiêu đánh giá được đề xuất trong bài viết này còn có khả năng ứng dụng cho tất cả các địa phương cấp tỉnh của Việt Nam.

Mục đích và yêu cầu, nội dung, phương pháp, tiêu chí đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững

- Mục đích, yêu cầu

+ Đánh giá mức độ đạt được và mức độ thay đổi về mức sống dân cư theo các chỉ tiêu định lượng.

+ So sánh qua các năm và so với đối tượng cần đối sánh

+ Đánh giá nguyên nhân của tình hình mức sống dân cư

- Nội dung

+ Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững giữa khu vực thành thị và nông thôn

+ Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững giữa khu vực khó khăn và phần còn lại

+ Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững giữa các nhóm dân cư (nhóm giàu, nghèo...), cộng đồng dân cư (theo huyện, thành phố), dân tộc (giữa các dân tộc trong tỉnh).

- Tiêu chí

+ Về mức sống dân cư đạt được cao hay thấp

+ Về mức sống dân cư đạt được cải thiện nhanh hay chậm

+ Về mức sống dân cư đạt được có bền vững hay không

- Phương pháp

+ Phương pháp thu thập, xử lý số liệu, tài liệu. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng trong nghiên cứu nói chung và nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội nói riêng. Nghiên cứu mức sống dân cư là vấn đề phức tạp, liên quan đến nhiều khía cạnh. Do đó, để phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề tài này, dữ liệu đầu vào được lấy từ nhiều nguồn khác nhau như các báo cáo tổng kết phát triển kinh tế - xã hội, niên giám thống kê, các số liệu điều tra dân số, báo cáo tổng điều tra dân số và nhà ở, các bài báo, các tài liệu liên quan đến mức sống dân cư. Để phục vụ nghiên cứu đạt kết quả cao, các số liệu, tài liệu đã thu thập cần được xử lý, hệ thống hóa một cách khoa học.

+ Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp. Do đặc điểm nguồn tài liệu về mức sống dân cư của một tỉnh thiếu và không đồng bộ nên việc xử lý tài liệu, đặc biệt là các số liệu khá phức tạp. Do đó, từ các nguồn số liệu thô thu thập được, tác giả đã xử lý, phân tích, tổng hợp, xây dựng các biểu đồ, bản đồ và các bảng số liệu mới để từ đó rút ra được những nhận xét chính xác trong quá trình nghiên cứu, cho phép đánh giá đúng, đầy đủ về hiện trạng mức sống dân cư trên địa bàn được nghiên cứu.

Sử dụng kết quả của việc thu thập tài liệu, quan sát thực địa, xử lý thông tin, trong đó quá trình xử lý tài liệu, hàng loạt các phương pháp truyền thống đã được sử dụng như: phân tích, tổng hợp, toán thống kê, so sánh...

+ Phương pháp đánh giá theo thang điểm. Dựa vào phương pháp này, việc đánh giá tổng hợp mức sống dân cư của một tỉnh tương đối khách quan, toàn diện và thấy được sự phân hóa rõ nét.

Mức sống dân cư của một tỉnh có sự phân hóa theo các tiêu chí cụ thể và theo không gian, do đó trong quá trình phân tích và đánh giá cần sử dụng phương pháp đánh giá theo thang điểm. Tác giả sẽ lựa chọn các tiêu chí phù hợp, thể hiện được rõ nét sự phân hóa và đặc trưng về mức sống dân cư của cấp tỉnh,

Sau đó, xây dựng thang điểm đánh giá: chọn chỉ tiêu đánh giá, xác định bậc của từng chỉ tiêu và cho điểm mỗi bậc. Mỗi chỉ tiêu cụ thể đều được phân chia thành năm mức cơ bản (Cao, khá cao, trung bình, khá thấp, thấp) và có thang điểm đánh giá cụ thể với mức điểm tương ứng là 5, 4, 3, 2, 1. Sau khi đã xây dựng được bảng đánh giá theo từng chỉ tiêu, tác giả lập bảng tính điểm đánh giá tổng hợp của các chỉ tiêu theo các huyện, thành phố của tỉnh.

+ Phương pháp điều tra xã hội học

Việc tiến hành điều tra, khảo sát thực địa là một yêu cầu cần thiết nhằm góp phần kiểm định các số liệu đã thu thập được, phát hiện các “lỗ hổng” trong nghiên cứu để bổ sung kịp thời nhằm đưa ra được các kết quả có độ tin cậy.

Thực hiện theo các bước sau đây: 1 – Xác định nội dung điều tra; 2 – Xây dựng phiếu điều tra; 3 – Tiến hành điều tra theo kế hoạch; 4 – Xử lý kết quả điều tra.

+ Phương pháp chuyên gia. Để có thêm những nhận định chính xác về mức sống dân cư tỉnh cần trực tiếp xin ý kiến đánh giá của các nhà quản lý, các chuyên gia, một số cán bộ địa phương về các lĩnh vực: giáo dục, y tế, kinh tế, phúc lợi xã hội...

+ Phương pháp bản đồ, biểu đồ, GIS

“Khoa học địa lý và các công việc của nó bắt đầu từ bản đồ và kết thúc cũng bằng bản đồ” (M. N. Bazanxki) – bản đồ là công cụ quan trọng trong nghiên cứu địa lý. Do đó, trong quá trình nghiên cứu, trên cơ sở các biểu đồ, bản đồ của Tỉnh, các số liệu thống kê và dựa vào những kiến thức đã học về GIS, phần mềm Mapinfo, SPSS,

tác giả xây dựng các bản đồ về các đặc trưng mức sống để có được cái nhìn trực quan hơn về vấn đề này. Các phương pháp này cho chúng ta thấy được mô hình khái quát về các đặc trưng mức sống dân cư, đồng thời phản ánh rõ nét được kết quả khoa học của công trình dưới góc độ địa lý học.

+ Phương pháp phân tích thành phần chính (Principal Component Analysis – PCA). Đây là một trong những phương pháp phân tích dữ liệu nhiều biến đơn giản nhất. Trong thống kê, thông thường cần phải “nghiên cứu” dữ liệu trước khi xây dựng các mô hình suy diễn dựa trên dữ liệu đó. Cần sử dụng phương pháp này trong quá trình nghiên cứu khi phải lựa chọn các chỉ tiêu tiêu biểu nhất để đem ra so sánh về mức sống dân cư giữa các địa phương của tỉnh bất kì.

+ Phương pháp dự báo. Nghiên cứu nâng cao mức sống dân cư theo hướng bền vững cần sử dụng phương pháp dự báo để dự báo các yêu cầu bền vững mức sống cho tương lai.

Chỉ tiêu đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững đối với một tỉnh (một cộng đồng)

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và tổng kết thực tiễn nghiên cứu mức sống dân cư ở Việt Nam, tác giả xác định hệ thống chỉ tiêu *Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững đối với cấp tỉnh ở Việt Nam*, cụ thể là:

Bảng 1. Tổng hợp các chỉ tiêu và tiêu chí phản ánh mức sống dân cư theo hướng bền vững của một tỉnh

Tiêu chí	Chỉ tiêu chủ yếu
Cao – thấp	1- Thu nhập bình quân đầu người 2- Tỷ lệ tích lũy so với thu nhập 3- Chênh lệch giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất
Nhanh – chậm	4- Cơ cấu chỉ tiêu (theo tháng, ngày hay năm) 5- Tỷ lệ nhà ở kiên cố 6- Tỷ lệ hộ nghèo (gắn với mức giảm)
Bền vững	+ Gia tăng một cách tương đối ổn định đối với các chỉ tiêu 1,2,5 và giảm tương đối ổn định đối với các chỉ tiêu 3,6. + Thay đổi cơ cấu chi theo hướng gia tăng chi cho thịt, cá, trái cây, học hành, chăm sóc sức khỏe, hưởng thụ văn hóa nghệ thuật.

(Trần Thị Thanh Hà, 2019)

1- Thu nhập bình quân đầu người

- TNBQĐN: là mức trả công lao động mà người lao động nhận được trong thời gian nhất định (tháng hoặc năm) và được tính bằng VNĐ/tháng hoặc VNĐ/năm.

- Thu nhập bình quân của hộ gia đình là toàn bộ tiền và giá trị hiện vật mà hộ và thành viên của hộ nhận được trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm), gồm:

+ Thu từ tiền công, tiền lương.

+ Thu từ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (đã trừ chi phí và thuế sản xuất).

+ Thu từ sản xuất ngành nghề.

+ Thu khác.

- GRDP/người – chỉ tiêu này xét tới khi đánh giá mức sống toàn tỉnh (sản xuất tại chỗ + bên ngoài gửi về). Hai chỉ tiêu này bổ trợ cho nhau. Mức sống một địa phương không chỉ phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế tại chỗ mà còn phụ thuộc vào tài sản nơi khác đưa tới.

Chênh lệch giữa GRDP/người – TNBQĐN để xét xem mức sống có phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài nhiều hay không.

2- Tỷ lệ tích lũy so với thu nhập

Chỉ tiêu này chưa được các học giả trước đây đề cập tới. Nó nói lên mức sống có bền vững hay không. Bởi nếu thu nhập chỉ đảm bảo 70% nhu cầu tối thiểu thì không thể có mức sống bền vững (tức là chi vượt thu).

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Nếu khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế càng lớn thì khả năng nguồn vốn càng nhiều. Mà khả năng nguồn vốn càng nhiều thì khả năng huy động nguồn vốn đó đưa vào phát triển sản xuất càng cao. Khi đó, sản xuất sẽ phát triển kéo theo số lao động có việc làm tăng lên, kéo theo thu nhập tăng lên, kéo theo sức mua tăng lên, từ đó thúc đẩy sản xuất phát triển.

Nếu chênh lệch thu chi âm thì có nghĩa là không có khả năng tái sản xuất mở rộng, dẫn tới mức sống, đời sống ở chu kỳ sau còn có khả năng, xu hướng thấp hơn nữa, khó khăn hơn nữa.

Từ chênh lệch thu chi tác giả tính toán được tỷ lệ tích lũy so thu nhập. Tỷ lệ tích lũy so thu nhập càng cao thì mức sống dân cư càng cao.

3- Chênh lệch giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất.

- Chênh lệch trong thu nhập bình quân đầu người

- Chênh lệch chỉ tiêu cho đời sống bình quân đầu người

4- Cơ cấu chỉ tiêu (theo tháng, ngày hay năm)

Đây là chỉ tiêu đã được một số học giả đề cập tới song chưa trở thành một chỉ tiêu mang tính pháp lệnh của quốc gia. Chỉ tiêu này chưa được đánh giá sâu mà mới chỉ mang tính liệt kê các thông số điều tra trong cơ cấu chi. Tác giả nhận thấy đây là một chỉ tiêu vô cùng quan trọng, vì thông qua chỉ tiêu này cho thấy mức sống ra sao, xã hội tiến bộ đến đâu, đạt trình độ văn minh ở mức nào.

Phân tích thực tiễn (theo niên giám thống kê và kết quả điều tra mức sống), cho thấy: cơ cấu chi phản ánh rất sinh động mức sống của một cộng đồng dân cư.

Bảng 2. So sánh cơ cấu chi cho đời sống giữa các nhóm thu nhập

Cơ cấu chi (%)		Nhóm 1	Nhóm 5
Ăn, uống, hút	<i>Ăn, uống, hút nói chung</i>		
	Lương thực		
	Thực phẩm		
	Chất đốt		
	Uống và hút		

	Ăn uống ngoài gia đình		
Ngoài ăn, uống, hút	Ngoài ăn, uống, hút nói chung		
	May mặc, mũ nón, giày dép		
	Y tế, chăm sóc sức khỏe		
	Nhà ở, điện, nước, vệ sinh		
	Thiết bị, đồ dùng gia đình		
	Du lịch và giao tiếp		
	Giáo dục		
	Văn hóa, thể thao, giải trí		
	Chi phí về đồ dùng và dịch vụ khác		
	Tổng	100	100

(Tổng cục thống kê, 2022)

Trong cơ cấu chi của nhóm 1 (thu nhập thấp nhất) thường có tới trên 60% chi cho ăn, uống, hút và gần 40 % còn lại chi cho tất cả các khoản ngoài ăn, uống, hút (giáo dục, y tế, vui chơi, giải trí...). Do đó, có thể thấy mức sống của nhóm dân cư này đang ở giai đoạn rất thấp.

Ngược lại, trong cơ cấu chi của nhóm 5 (thu nhập cao nhất) có gần 50% chi cho ăn, uống, hút và trên 50% còn lại chi cho tất cả các khoản ngoài ăn, uống, hút... chứng tỏ mức sống của nhóm khá cao.

Đáng lưu ý là khi so sánh các khoản chi thành phần của 2 nhóm thu nhập, nhận thấy:

Trong nhóm chi cho ăn, uống, hút: tất cả các khoản chi (lương thực, thực phẩm, chất đốt, uống và hút) của nhóm 1 đều cao hơn nhóm 5. Chỉ duy nhất khoản chi ăn uống ngoài gia đình là nhóm 1 thấp hơn nhiều so với nhóm 5.

Trong nhóm chi cho ngoài ăn, uống, hút: chỉ có khoản chi cho may mặc, mũ nón, giày dép và y tế, chăm sóc sức khỏe của nhóm 1 lớn hơn nhóm 5 (nhưng chênh lệch rất ít). Còn lại, các khoản chi khác của nhóm 1 đều thua kém xa nhóm 5.

Bảng 3. So sánh các khoản chi trong cơ cấu chi cho lương thực, thực phẩm giữa các nhóm thu nhập

Các khoản chi (%)	Nhóm 1	Nhóm 5
Gạo		
Thịt các loại		
Đường, mật, sữa, bánh, mứt, kẹo		
Chè, cà phê		
Quả chín		
Ăn uống ngoài gia đình		
Các loại lương thực, thực phẩm khác		
Tổng	100	100

(Tổng cục thống kê, 2022)

Nhưng trong cơ cấu chi cho ăn, uống, hút như tác giả đề cập ở trên mà chủ yếu dành cho lương thực (lương thực chiếm tới 70 – 80% phần chi cho ăn), phần còn lại chỉ 20 – 30% là chi cho thịt, cá, đường, sữa,... thì mức sống vô đang rất thấp, và ngược lại.

Thực tế phân tích cơ cấu chi cho lương thực, thực phẩm cũng minh chứng rằng: tỷ lệ chi cho lương thực càng cao thì tỷ lệ chi cho các mặt hàng phản ánh mức sống cao (chè, cà phê; quả chín; đường, mật, sữa, bánh, mứt, kẹo; ăn uống ngoài gia đình...)

sẽ càng thấp. Đây là biểu hiện sinh động và đánh giá khá chính xác bản chất mức sống của đối tượng đang đề cập.

Qua các phân tích kể trên, tác giả khẳng định rõ hơn cơ cấu chi là chỉ báo rất quan trọng để đánh giá mức sống dân cư.

Như vậy, ưu điểm của chỉ tiêu này là phản ánh khá chính xác mức sống của một hộ gia đình hay của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, có một số khoản chi không phản ánh đúng mức sống của đối tượng. Ví dụ như khoản chi y tế và chăm sóc sức khỏe, nếu hộ gia đình có người thường xuyên đau ốm, bệnh tật, thậm chí mắc bệnh nặng mất nhiều tiền cứu chữa dẫn tới chi phí cho ngoài ăn, uống, hút sẽ tăng lên rất nhiều. Từ đó, tỷ trọng trong cơ cấu chi chung của nhóm này cũng tăng. Song thực tế, mức sống của đối tượng phân tích không cao, thậm chí có thể là rất thấp. Do đó, khi phân tích các đối tượng cụ thể, cần phân tích theo quan điểm hệ thống, xem xét kỹ lưỡng, toàn diện các mặt của đối tượng.

5- Tỷ lệ nhà ở kiên cố

Tỷ lệ hộ có nhà ở chia theo loại nhà kiên cố là tỷ lệ phần trăm các hộ hiện đang sống trong ngôi nhà thuộc nhà kiên cố trong tổng số hộ điều tra. Đây là một chỉ tiêu dành cho xét mức sống cộng đồng.

Theo Công văn 134/BXD-QLN của Bộ Xây dựng ngày 15/12/2015: Tiêu chí để phân loại nhà ở quy định vật liệu bền chắc đối với ba kết cấu chính:

(1) Cột làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, gạch/đá, sắt/thép/gỗ bền chắc;

(2) Mái làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, ngói (xi măng, đất nung);

(3) Tường bao che làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, gạch/đá, gỗ/kim loại.

Tùy điều kiện thực tế tại địa phương, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương.

Nhà kiên cố là nhà có cả ba kết cấu chính đều được làm bằng vật liệu bền chắc; nhà bán kiên cố là nhà có hai trong ba kết cấu chính được làm bằng vật liệu bền chắc.

6- Tỷ lệ hộ nghèo (gắn với mức giảm)

Tỷ lệ hộ nghèo là một chỉ tiêu dành cho xét mức sống cộng đồng, đó phần trăm hộ dân cư có mức thu nhập thực tế bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo trong năm xác định trong tổng số hộ dân cư. Từ năm 2021, trên cơ sở 6 chiều cạnh nghèo, Chính phủ đã xây dựng và đề xuất 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt trong nghèo đa chiều tương ứng.

Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Các chỉ tiêu nêu trên phản ánh mức sống dân cư theo hướng bền vững của một tỉnh sẽ phải được so với mức trung bình của vùng lớn hoặc so với mức trung bình của cả nước hoặc so với một tỉnh đã đạt mức sống dân cư cao để thấy mức đạt được mức sống dân cư theo hướng bền vững của tỉnh nghiên cứu.

Bảng 5. So sánh mức sống dân cư của tỉnh nghiên cứu so với một số đối tượng khác

<i>Chỉ tiêu so sánh</i>	<i>Giá trị tuyệt đối của tỉnh nghiên cứu</i>	<i>Tỉnh nghiên cứu so với TB cả nước*</i>	<i>Tỉnh nghiên cứu so với TB vùng lớn hơn*</i>	<i>Tỉnh nghiên cứu so với tỉnh có mức sống cao nhất vùng*</i>
1. TNBQĐN (nghìn đồng)				
2. Tỷ lệ tích lũy so với thu nhập (%)				
3. Chênh lệch giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất (lần)				
4. Cơ cấu chi tiêu (%) - Tỷ trọng chi cho ăn, uống, hút - Tỷ trọng chi cho ngoài ăn, uống, hút				
5. Tỷ lệ nhà ở kiên cố (%)				
6. Tỷ lệ người nghèo (%)				

(Trần Thị Thanh Hà, 2019)

*Ghi chú: * tính bằng phần trăm hoặc tính bằng lần*

Ngoài các chỉ tiêu nêu trên, còn có thể sử dụng thêm một số chỉ tiêu khác khi có số liệu thống kê, như: số năm đi học đối với người dân trong tuổi đi học; số KWh điện tiêu thụ/người; số người được dùng nước sạch; chỉ số hạnh phúc...

Trong trường hợp nghiên cứu về mức sống của một cá nhân hoặc của một hộ gia đình, tác giả cho rằng cần sử dụng hệ thống chỉ tiêu có phần khác so với hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức sống dân cư của một cộng đồng hay một tỉnh. Cụ thể các chỉ tiêu đó là:

- (1). GDP/người (Thu nhập/người)
- (2). Chênh lệch thu - chi
- (3). Cơ cấu chi tiêu hàng tháng hay hàng ngày
- (4). Diện tích nhà ở bình quân đầu người (và nhà ở thuộc loại nào?)
- (5). Mức điện sử dụng bình quân người
- (6). Số năm đi học

Trong thực tế, trên thế giới và Việt Nam đã có nhiều cuộc khảo sát và các nghiên cứu về mức sống dân cư. Vấn đề đặt ra là phải xây dựng bộ tiêu chí về đánh giá

mức sống dân cư vận dụng cho cấp tỉnh trong điều kiện Việt Nam và có tính bền vững để có thể kế thừa thực hiện trong những năm tiếp theo. Trong bài viết, tác giả đã phân tích mục đích yêu cầu, nội dung, tiêu chí và phương pháp đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững. Đồng thời, tác giả đề xuất 6 chỉ tiêu cơ bản để đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững đối với cấp tỉnh ở Việt Nam. Kết quả của nghiên cứu này nếu được áp dụng trên thực tế sẽ có vai trò tích cực trong việc tạo cơ sở để hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, an sinh xã hội, nâng cao mức sống bền vững cho dân cư.